

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 28 / 9 / 2017

“V/v Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình, ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Bích Tuyên;

2. Bà Võ Thị Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Văn Nguyệt Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 192/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2017 về: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2017/QĐXXST- HN ngày 13/9/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Kha Minh T, sinh năm 1985, địa chỉ: tổ 08, ấp M, xã V, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Bùi Văn N, sinh năm 1979, địa chỉ: tổ 08, , ấp M, xã V, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bà T có mặt, ông N vắng mặt (có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Kha Minh T trình bày:

Vào năm 2002, bà và ông N quen biết nhau, rồi tự nguyện tìm hiểu và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, nên hai người quyết định sống chung nhau, đến ngày 15/8/2003 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Châu. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn

do bất đồng quan điểm sống, trong công việc làm ăn, nhiều lần bà và ông N cự cãi nhau thì ông N đánh bà. Vì vậy, bà yêu cầu ly hôn với ông N.

Về con chung, trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 03 con chung tên Bùi Quốc K, sinh ngày 04/10/2003, Bùi Văn T, sinh ngày 23/12/2005 và Bùi Văn Th, sinh ngày 16/6/2011 (K và T đang sống chung với cha) còn Th thì bà đang nuôi dạy. Bà đồng ý giao 02 con chung là K và T cho ông N được tiếp tục nuôi dạy, còn Th thì bà yêu cầu nuôi dạy, đôi bên không cấp dưỡng cho nhau.

Về tài sản chung và nợ chung, bà và ông N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Bùi Văn N trình bày, thống nhất về thời gian, điều kiện, quá trình chung sống trong thời kỳ hôn nhân như bà T đã nêu, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong công việc làm ăn, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm 2011 cho đến nay, nhận thấy không còn tình cảm nên ông đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung, có 03 con chung tên Bùi Quốc K, sinh ngày 04/10/2003, Bùi Văn T, sinh ngày 23/12/2005 và Bùi Văn Th, sinh ngày 16/6/2011, hiện nay K và T đang sống chung với ông, còn Th đang sống với bà T. Ông yêu cầu nuôi dạy 02 con chung là cháu K và T, ông N đồng ý giao cháu Bùi Văn Th cho bà T nuôi dạy, đôi bên không cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung và nợ chung, tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án không tiến hành phiên họp, việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được do ông N vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến như đã trình bày, không cung cấp, bổ sung thêm chứng cứ nào khác.

* Phát biểu của Kiểm sát viên:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48; Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập họp lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Bà T và ông N có đăng ký kết hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 51 Luật HNGĐ đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà T và ông N thừa nhận có mâu thuẫn không còn tình cảm, hiện đã ly thân từ năm 2011. Căn cứ biên bản xác minh tại Công an xã Vĩnh Châu thì T và N có đăng ký hộ khẩu thường trú nhưng không sinh sống tại địa phương từ năm 2015. Xét thấy tình cảm vợ chồng không quan tâm chăm sóc yêu thương làm cho tình trạng hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

- Con chung: Bà T yêu cầu được nuôi dạy con chung tên Th, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu T và K do ông N nuôi dưỡng không yêu cầu bà T cấp dưỡng và các đương sự thống nhất thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung công nhận thỏa thuận đương sự.

- Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

Các đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Bà Kha Minh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Bùi Văn N, ông N cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo qui định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Bà T và ông N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc nên hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Bà T xin ly hôn với ông N, nguyên nhân vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, ông N đánh đập bà, vợ chồng sống xa cách từ năm 2011 đến nay. Ông N xác nhận vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông đồng ý ly hôn với bà T.

Xét thấy, vợ chồng phải thương yêu, quan tâm, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và chung sống với nhau. Tuy giữa bà T và ông N tồn tại quan hệ hôn nhân nhưng trên thực tế thì vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2011 cho đến nay. Việc bà T, ông N thống nhất thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật và không trái đạo đức, xã hội nên công nhận.

Về con chung, bà T và ông N có lời khai thống nhất, trong thời gian chung sống, vợ chồng có 03 con chung tên Bùi Quốc K, sinh ngày 04/10/2003, Bùi Văn T, sinh ngày 23/12/2005 và Bùi Văn Th, sinh ngày 16/6/2011. Hiện nay K và T đang sống chung với ông N, còn Th đang sống với bà T. Bà T đồng ý giao con chung K và T cho ông N nuôi dạy, đồng thời phù hợp với nguyện vọng sống chung với ông N theo biên bản ghi nhận ý kiến của 02 cháu, đối với cháu Th, ông N đồng ý giao cho bà T nuôi dạy. Xét, công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con của bà T và ông N. Cụ thể, ông N được tiếp tục nuôi con chung tên Bùi Quốc K, sinh ngày 04/10/2003, Bùi Văn T, sinh ngày 23/12/2005, còn bà T được tiếp tục nuôi dạy con chung Bùi Văn Th, sinh ngày 16/6/2011.

Về cấp dưỡng nuôi con, các bên không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung, bà T và ông N thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Kha Minh T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo luật định.

Ông Bùi Văn N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Kha Minh T và ông Bùi Văn N.

Về con chung: Bà Kha Minh T được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Bùi Văn Th, sinh ngày 16/6/2011. Ông Bùi Văn N được tiếp tục nuôi dạy con chung Bùi Quốc K, sinh ngày 04/10/2003 và Bùi Văn T, sinh ngày 23/12/2005, đôi bên không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà T, ông N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở đôi bên trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Kha Minh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số

0007429 ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Châu Đốc; Bà T đã nộp đủ án phí.

Ông Bùi Văn N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà T có quyền kháng cáo đề yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông N được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND TPCĐ (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh AG (1);
- Chi cục thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lư Thị Châu Ngọc